TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2022/DS-PT
Ngày: 04 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp đòi di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế theo pháp luật.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp đòi di sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, chia di sản thừa kế theo pháp luật".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1/. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1944. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp T2, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1962. (có mặt)
Theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2018.

3. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1959. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 10, ấp Ng, xã Th, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1962. (có mặt)

Địa chỉ: Đường T, Phường 4, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường Tr, xã H, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Thị Th, sinh năm 1962. (có mặt). Theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 10 năm 2018.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn B1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1942. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T3, xã T4, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2/. Bà Phạm Thị Nh, sinh năm 1948. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3/. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1941 (chết năm 2003).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ:

3.1/. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1944. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3.2/. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1968. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Ng, xã Th, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3.3/. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1971. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3.4/. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1973. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3.5/. Ông Phạm Văn O, sinh năm 1976. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3.6/. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3.7/. Ông Phạm Văn K, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

4/. Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T5, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Bé H – Chức vụ: Chủ tịch. (xin vắng mặt)

5/. Ông Lê Phạm Hồng Th, sinh năm1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T3, xã T4, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

6/. Ông Trần Văn B, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C1, xã T6, huyện T7, tỉnh Long An.

-*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Văn B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2017, bản tự khai cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn – ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị Đ, bà Phạm Thị Nh, bà Phạm Thị Th, bà Phạm Thị Th1 cùng trình bày:

Ông Phạm Văn G, sinh năm 1922 (Chết ngày 21/3/2008) và bà Lê Thị D, sinh năm 1922 (Chết ngày 27/6/2009) có 09 người con chung:

- Phạm Văn B, sinh năm 1944;

- Phạm Thị Nh, sinh năm 1959;

- Phạm Thị Th, sinh năm 1962;

- Phạm Thị Th1, sinh năm 1964;

- Phạm Thị S, sinh năm 1942;

- Phạm Thị Nh, sinh năm 1948;

- Phạm Thị Đ, sinh năm 1956;

- Phạm Văn B1, sinh năm 1958;

- Phạm Văn L, sinh năm 1941 (đã chết năm 2003).

Trong thời gian chung sống vợ chồng, ông G và bà D đã tạo lập được một số ruộng đất và cất một ngôi nhà thờ cấp 4. Sau khi ông G và bà D qua đời có để lại diện tích đất ruộng 6000m^2 và một ngôi nhà thờ trên phần đất thổ - cây lâu năm, diện tích 1.096,4m^2, thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 11, đã được Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn G ngày 13/4/2004, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00173 UBND/451/QĐ-UB.

Trước khi qua đời, ông G và bà D không có để lại di chúc cho đứa con nào. Sau đó, các anh chị em thống nhất chia phần đất ruộng cho một số anh chị em có điều kiện canh tác. Còn ngôi nhà thờ gắn liền với thửa đất số 46, diện tích 1.096,4m^2 (đất thổ cư – cây lâu năm) thì để lại làm nhà thờ không được chia cho ai, để sau này các con cháu có chỗ thờ phụng và cúng giỗ tổ cha mẹ, ông bà, tổ

tiên. Nhưng thời gian gần đây, ông Phạm Văn B1 muốn di dời nhà thờ ra phía sau mà không thông qua ý kiến của các anh chị em trong nhà. Các ông bà có đến Ủy ban nhân dân xã T1 hỏi thông tin về phần đất này, tại sao ông B1 có quyền quyết định thì được biết ông Phạm Văn B1 đã được đứng tên đất nêu trên, ông B1 đã tự ý ký tên giả mạo của ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị Nh, bà Phạm Thị Đ vào văn bản phân chia di sản thừa kế và những người còn lại khác thì không có ký tên vào văn bản này được lập tại Ủy ban nhân dân xã T1 ngày 02/12/2009 để sang tên phần đất nhà thờ nói trên. Hành vi nói trên của ông B1 là vi phạm pháp luật, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông bà.

Bởi các lẽ trên, nay các ông bà khởi kiện ông Phạm Văn B1, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Ch, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Văn B1 đứng tên diện tích đất 1.096,4m^2, thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 11. Trong đó, có 173,8m^2 đất ở nông thôn và 922,6m^2 đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2/. Buộc ông Phạm Văn B1 giao trả diện tích đất nói trên và ngôi nhà thờ gắn liền trên thửa đất này cho các đồng thừa kế để đứng tên đồng sở hữu (09 người) và có chỗ thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Các nguyên đơn không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Nh trình bày: Ngày 21/02/2019, bà Phạm Thị Nh có đơn tự nguyện xin rút yêu cầu khởi kiện và xin Tòa án giải quyết vắng mặt bà Nh.

Theo đơn phản tố đề ngày 29/10/2018, bản tự khai cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn B1, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn T trình bày:

Vào năm 2004, cha mẹ ông B1 là ông Phạm Văn G sinh năm 1917, bà Lê Thị D sinh năm 1922, cháu Lê Phạm Hồng Th sinh năm 1981 và ông Phạm Văn B1 sinh năm 1958 cùng chung sống và chung hộ khẩu tại địa chỉ ấp T, xã T1, trong quá trình chung sống các thành viên trong hộ trực tiếp sử dụng phần đất do ông Phạm Văn G đứng tên chủ hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 451 cấp ngày 13/4/2004, loại đất ở và cây lâu năm, diện tích là 1.096,4m^2 sau này Nhà nước đã công nhận và cấp cho hộ gồm 04 người:

- Phạm Văn G sinh năm 1917, chết năm 2008;

- Lê Thị D sinh năm 1922, chết năm 2009;

- Phạm Văn B1 sinh năm 1958;

- Lê Phạm Hồng Th sinh năm 1981.

Đến năm 2010, ông B1 xin chuyển toàn bộ diện tích 1.096,4m^2 cho ông B1 đứng tên và được Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp ngày 10/01/2010 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất số CH 00034. Thời điểm cấp giấy cho

ông B1 thì các anh chị em của ông B1 không ai có tranh chấp gì. Đến tháng 04/2017 thì Phạm Văn B, Phạm Thị Đ, Phạm Thị Nh, Phạm Thị Th, Phạm Thị Th1 tranh chấp phần đất nêu trên.

Nay, ông B1 phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định tài sản riêng trong khối tài sản chung và yêu cầu phân chia tài sản thừa kế.

- Yêu cầu giải quyết phân định tài sản riêng của ông B1 và anh Th trong khối tài sản chung là 1.096,4m^2 và ông B1, anh Th được nhận 548m^2. Tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

- Yêu cầu phân chia tài sản thừa kế phần diện tích còn lại là 548m^2 của cha mẹ ông B1 để lại không có di chúc cho ai.

- Yêu cầu chia thừa kế theo qui định pháp luật, ông G và bà D lúc còn sống đã sinh được 09 người con:

+Phạm Văn B;

+Phạm Thị Nh;

+Phạm Thị Th;

+Phạm Thị Th1;

+Phạm Thị Đ;

+Phạm Thị S;

+Phạm Thị Nh;

+Phạm Văn B1;

+ Phạm Văn L đã chết năm 2003 có vợ là Nguyễn Thị B và sinh được 06 người con: Phạm Thị S sinh năm 1968, Phạm Văn H sinh năm 1971, Phạm Văn C sinh năm 1973, Phạm Văn O sinh năm 1976, Phạm Văn L sinh năm 1978, Phạm Văn K sinh năm 1984.

Tài sản phân chia thừa kế 04 chị em được 243m^2 tại tờ bản đồ số 11, thửa số 46, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang và tài sản riêng của ông đã nhận được 548m^2. Tổng cộng ông B1 nhận được 791m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Phạm Hồng Th trình bày: Ông là cháu ngoại của ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D, ông được ông bà ngoại nuôi dưỡng từ nhỏ đến lớn. Đến ngày 13/4/2004 hộ gia đình được Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 451 đất ở và cây lâu năm 1.096,4m^2. Hộ ông gồm có: Phạm Văn G sinh năm 1917, Lê Thị D sinh năm 1922, Phạm Văn B1 sinh năm 1958, Lê Phạm Hồng Th sinh năm 1981. Ông yêu cầu xác định tài sản riêng trong khối tài sản chung trong diện tích 1.096,4m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Nh trình bày: Ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D là cha mẹ ruột của bà. Khi cha mẹ chết, không để

lại di chúc phần diện tích đất do vậy vào ngày 02/7/2009 gia đình có tổ chức cuộc họp và phân chia phần đất ruộng. Còn diện tích 1.096,4m^2 trong đó có căn nhà thờ cúng ông bà giao lại cho ông Phạm Văn B1 quản lý, làm nơi thờ cúng. Sau đó, ông Phạm Văn B1 đăng ký khai đứng tên. Từ khi cha mẹ qua đời cho đến nay, không có ai tranh chấp, đến năm 2017 căn nhà bị xuống cấp nghiêm trọng do vậy ông B1 tự ý bỏ tiền ra để làm lại nơi thờ phụng ông bà là hợp tình hợp lý nên bà không có ý kiến gì. Nhưng nay các nguyên đơn tranh chấp với ông B1 nên bà có ý kiến như sau: Không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B1, không đồng ý sở hữu chung. Nếu nguyên đơn cố tình tranh chấp thì bà yêu cầu phân chia phần diện tích đất theo quy định pháp luật, phần diện tích bà được hưởng, bà xin để lại cho ông Phạm Văn B1 làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên, cha mẹ bà và bà Nh có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S trình bày: Ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D là cha mẹ ruột của bà. Khi cha mẹ chết, không để lại di chúc phần diện tích đất do vậy vào ngày 02/7/2009 gia đình có tổ chức cuộc họp và phân chia phần đất ruộng. Còn diện tích 1.096,4m^2 trong đó có căn nhà thờ cúng ông bà giao lại cho ông Phạm Văn B1 quản lý, làm nơi thờ cúng. Sau đó, ông Phạm Văn B1 đăng ký khai đứng tên. Từ khi cha mẹ qua đời cho đến nay, không có ai tranh chấp, đến năm 2017 căn nhà bị xuống cấp nghiêm trọng do vậy ông B1 tự ý bỏ tiền ra để làm lại nơi thờ phụng ông bà là hợp tình hợp lý nên bà không có ý kiến gì. Nhưng nay các nguyên đơn tranh chấp với ông B1 nên bà có ý kiến như sau: Không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B1, không đồng ý sở hữu chung. Nếu nguyên đơn cố tình tranh chấp thì bà yêu cầu phân chia phần diện tích đất theo quy định pháp luật, phần diện tích bà được hưởng, bà xin để lại cho ông Phạm Văn B1 làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên, cha mẹ bà và bà S có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn H trình bày: Ông là con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị B, ông L đã qua đời, ông L là anh ruột của các đồng thừa kế trong vụ án. Ông L và bà B có tất cả 06 người con gồm: Phạm Thị S, Phạm Văn H, Phạm Văn C, Phạm Văn O, Phạm Văn L, Phạm Văn K. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà nội ông (Ông Phạm Văn G mất năm 2008 và bà Lê Thị D mất năm 2009), khi ông bà mất có để lại di chúc hay không thì ông không biết, ông chỉ biết ông bà nội để lại phần đất tranh chấp cho ông chú Sáu (ông B1), diện tích đất bao nhiêu ông không rõ. Hiện nay, ông B1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp và đang quản lý, sử dụng. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông không có ý kiến đối với yêu cầu hủy giấy đất và giao trả diện tích đất tranh chấp cho các đồng thừa kế đứng tên đồng sở hữu thì ông cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì. Ngoài ra, ông H có đơn xin giải quyết vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn O trình bày: Ông là con ông Phạm Văn L và bà Phạm Thị B, ông L đã qua đời, ông L là anh ruột

của các đồng thừa kế trong vụ án. Ông L và bà B có tất cả 06 người con gồm: Phạm Thị S, Phạm Văn H, Phạm Văn C, Phạm Văn O, Phạm Văn L, Phạm Văn K. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà nội ông (Ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D). Đất tranh chấp do ông bà nội ông để lại cho chú ông là ông Phạm Văn B1, sau khi ông bà nội mất thì ông B1 quản lý đất và ngôi nhà thờ trên đất làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn B1, diện tích đất bao nhiêu ông không rõ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, ông không có ý kiến gì, tùy Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết. Ngoài ra, ông O có đơn xin giải quyết vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là vợ ông Phạm Văn L. Nguồn gốc phần đất tranh chấp trong vụ án là của cha mẹ chồng bà (ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D) để lại. Phần đất tranh chấp do ông Phạm Văn B1 quản lý từ năm 2008 đến nay và ông B1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất bao nhiêu bà không rõ. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà không có ý kiến gì, Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà B có đơn xin giải quyết vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày: Ông là con ông Phạm Văn L (mất năm 2003) và bà Phạm Thị B. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà nội ông (Ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D), diện tích đất khoảng hơn 1 công, đất tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang, dùng để làm nhà thờ, các con của ông G, ai là người quản lý nhà đất thì có nghĩa vụ thờ cúng ông bà. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác và ông C có đơn xin giải quyết vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S trình bày: Bà là con ông Phạm Văn L (mất năm 2003). Qua vụ kiện của nguyên đơn Phạm Văn B, bị đơn Phạm Văn B1, bà thấy việc làm của ông Biết là không đúng thực tế vì hiện nay căn nhà đang tranh chấp đã bị xuống cấp hư hỏng nghiêm trọng do vậy ông B1 bỏ tiền ra để xây dựng lại căn nhà thờ ông bà, tổ tiên là một việc làm chính đáng. Do vậy đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà có ý kiến như sau: Không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông B1, không đồng ý sở hữu chung. Nếu phía nguyên đơn cố tình tranh chấp thì bà yêu cầu phân chia phần diện tích đất đó theo quy định của pháp luật. Phần diện tích bà được hưởng bà xin để lại cho ông Phạm Văn B1 làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Ngoài ra, bà S có đơn xin giải quyết vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Ch, có người đại diện theo pháp luật ông Huỳnh Văn Bé H trình bày:

- Theo hồ sơ địa chính: Phần đất đang tranh chấp thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.096,4m^2 trong đó: Loại đất ONT diện tích 173,8m^2, loại đất CLN diện tích 922,6m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00034 ngày 16/11/2010 cho ông Phạm Văn B1,

sinh năm 1958, ngụ ấp T, xã T1.

- Về quan hệ: Ông Phạm Văn G sinh năm 1922, chết năm 2008 và bà Lê Thị D sinh năm 1922, chết năm 2009, sinh được 09 người con gồm: ông Phạm Văn L sinh năm 1941, chết năm 2003; bà Phạm Thị S sinh năm 1942, ngụ xã T4; bà Phạm Thị Nh sinh năm 1944, ngụ xã T1; ông Phạm Văn B sinh năm 1944, ngụ T1; ông Phạm Văn B1 sinh năm 1958, ngụ tại xã T1; bà Phạm Thị Đ sinh năm 1956, ngụ xã T1; bà Phạm Thị Nh sinh năm 1959, ngụ xã Th; bà Phạm Thị Th1 sinh năm 1964, ngụ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, ông Phạm Văn B là anh của ông Phạm Văn B1.

- Theo ông Phạm Văn B1 thì thửa đất số 46, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.096,4m^2 là 01 phần trong tổng diện tích 1.703,8m^2 do cha, mẹ ông tạo lập. Sau đó, mới chia cho ông Phạm Văn L thửa 47, diện tích 399,2m^2, Phạm Văn B thửa 56, diện tích 208,2m^2. Ông L và ông Biết ra riêng từ khi được cho đất đến nay, do ông Phạm Văn B1 là con út nên ở chung với ông G, bà D.

- Sau khi bà D chết thì ngày 02/7/2009 các con của ông G, bà D lập biên bản họp nội bộ, nội dung: Mỗi người con gái nhận 500m^2, trong đó bà Phạm Thị T (Phạm Thị S) gửi lại 500m^2 cho nhà thờ; bà Phạm Thị Nh gửi lại 500m^2 cho nhà thờ. Ông Phạm Văn B nhận 1.000m^2; bà Phạm Thị Đ nhận 500m^2; bà Phạm Thị Th nhận 500m^2; bà Phạm Thị Nh nhận 500m^2; bà Phạm Thị Th1 nhận 500m^2; ông Phạm Văn B được hưởng 1.000m^2; Phần còn lại 1.500m^2 phần của mẹ chia đều cho các con, phần còn lại giao cho Phạm Văn B1 là con trai út. Phần còn lại 1.500m^2 để làm đất giỗ cha là 02 (1.500m^2) gồm ông Phạm Văn B 750m^2 và ông Phạm Văn B1 750m^2. Phần còn lại nhà và đất giao cho con trai là Phạm Văn B1. Tại phần phụ ghi đã nêu rõ: Phần nhà thờ giữ nguyên hiện trạng không được sang bán.

- Việc thỏa thuận chia tài sản gồm nhà và đất có đủ chữ ký của 08 người con ông G, bà D, trên tinh thần đoàn kết và vui vẻ (do ông Phạm Văn L đã chết).

- Tại văn bản phân chia bà Th, bà Th1, bà Đ giao cho bà Phạm Thị Nh đứng tên với tổng số diện tích 2.000m^2 với số thửa 2984 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 03140 ngày 07/10/2009.

- Ông Phạm Văn B giao 1.765,4m^2 cho con trai tên Phạm Văn Ch đứng tên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03141 ngày 07/10/2009 theo văn bản phân chia thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T1 chứng thực ngày 01/9/2009.

- Ông Phạm Văn B1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00034 ngày 16/01/2010 theo văn bản phân chia thừa kế ngày 02/12/2009.

- Những người được phân chia theo văn bản họp nội bộ gia đình ngày 02/7/2009 sử dụng đất ổn định từ năm 2009 đến năm 2017; theo ông Phạm Văn B1 cho biết vì ông Phạm Văn B lấn sang đất (đất để hàng lu) do ông được thừa kế và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh em xảy ra xích mích. Vì vậy ông Phạm Văn B mới phát động 02 chị và 02 em của ông Phạm Văn B1 đứng đơn tranh chấp yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

CH 00034 ngày 16/01/2010 với lý do ông Phạm Văn B1 giả mạo chữ ký, thiếu chữ ký của các đồng thừa kế và yêu cầu đất, nhà được cấp cho các đồng thừa kế sử dụng, đồng sở hữu.

- Qua đối chiếu giữa văn bản họp nội bộ ngày 02/7/2009 và các văn bản phân chia cho các đồng thừa kế là bà Phạm Thị Nh (ngày 01/9/2009) ông Phạm Văn Ch (ngày 01/9/2009) và ông Phạm Văn B1 (ngày 02/12/2009) có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T1 có những điểm tương đồng là: Dù ngày chứng thực khác nhau, nhưng đều thực hiện đúng như việc phân chia tại biên bản họp nội bộ, 04 người đã đứng tên trên văn bản phân chia thừa kế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kiểm tra 03 văn bản đều có 04 người thừa kế ký tên và chữ ký có nét giống nhau.

- Như vậy, ông Phạm Văn B1 không có lỗi trong việc để sót các đối tượng thừa kế còn lại, mà lỗi do Ủy ban nhân dân xã T1 thiếu kiểm tra, hướng dẫn vào thời điểm năm 2009 dẫn đến, khiếu kiện như hiện nay.

- Việc phân chia nhà và đất đều được các thành viên thuộc diện thừa kế của ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D thống nhất tại văn bản họp nội bộ ngày 02/7/2009 việc sử dụng đất đã ổn định. Do đó, yêu cầu của ông Phạm Văn B, Phạm Thị Đ, Phạm Thị Nh, Phạm Thị Th và Phạm Thị Th1 về việc hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00034 ngày 16/01/2010 cấp cho ông Phạm Văn B1 là thiệt thòi cho ông B1.

- Riêng ông Phạm Văn B và 04 đồng thừa kế yêu cầu ông Phạm Văn B1 trả lại diện tích đất và nhà gắn liền với đất tại thửa đất 1.094,4m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T1, Ủy ban nhân dân huyện không có ý kiến.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân huyện Ch đơn xin giải quyết vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn B trình bày:* Do chỗ quen biết với ông Phạm Văn G và bà Lê Thị D, nên vào năm 2004 tôi có xin ông bà nhập hộ khẩu vào hộ ông G, bà D để thuận tiện cho việc làm ăn. Đến năm 2017, ông đã cắt hộ khẩu về ấp C1, xã T6, huyện T7, tỉnh Long An. Nay các con ông G, bà D tranh chấp di sản thừa kế mà Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đang thụ lý giải quyết, mặc dù ông có hộ khẩu trong hộ gia đình ông G nhưng ông và gia đình ông G không họ hàng thân tộc gì, do vậy ông không có ý kiến gì trong vụ này. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật, đồng thời có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn K mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng vẫn không có văn bản thể hiện ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 227, Điều 228, Điều 244, khoản 4 Điều 264 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 674, Điều 676, Điều 677, Điều 681, Điều 682 và Điều 685 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Nh do bà Phạm Thị Nh rút yêu cầu khởi kiện.

2/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phạm Văn B, Phạm Thị Đ, Phạm Thị Th và Phạm Thị Th1.

- Tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Ch tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Văn B1 đứng tên quyền sử dụng đất số CH 00034 ngày 16/01/2010, thửa đất số 46, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.096,4m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

- Xác định phần diện tích đất 1.096,4m^2, thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 11. Trong đó, có 173,8m^2 đất ở nông thôn và 922,6m^2 đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang gắn liền với căn nhà thờ trên đất là tài sản chung của các đồng thừa kế để đứng tên đồng sở hữu bao gồm: Phạm Văn B; Phạm Thị Nh; Phạm Thị Th; Phạm Thị Th1; Phạm Thị Đ; Phạm Thị S; Phạm Thị Nh; Phạm Văn B1; Phạm Văn L (đã chết năm 2003 có 06 người con thừa kế thế vị: Phạm Thị S, Phạm Văn H, Phạm Văn C, Phạm Văn O, Phạm Văn L, Phạm Văn K) dùng thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Giao cho ông Phạm Văn B1 tiếp tục quản lý nhà đất nêu trên.

- Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đứng tên quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật.

3/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn B1 yêu cầu chia tài sản chung trong hộ đối với phần diện tích đất 1.096,4m^2, thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 11. Trong đó, có 173,8m^2 đất ở nông thôn và 922,6m^2 đất cây lâu năm, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang gắn liền với căn nhà thờ trên đất và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ D và cụ G trong khối tài sản chung trong hộ gia đình.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 31/5/2021, bị đơn ông Phạm Văn B1 có đơn kháng cáo với nội dung:

Ông đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia thừa kế theo pháp luật phần diện tích đất cha mẹ để lại 1.096,4m^2; thửa số 46; tờ bản đồ số 11; tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang. Chia đều cho 09 người con, mỗi người được 01 phần bằng nhau là 121,8m^2, riêng căn nhà trên đất đã bị xuống cấp hư hỏng ông không yêu cầu chia.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị đơn ông Phạm Văn B1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông B1 và giữ nguyên Bản án sơ thẩm, vì: Căn cứ vào biên bản họp gia đình ngày 02/7/2009 các đương sự đã thoả thuận dùng di sản vào việc thờ cúng và chỉ giao cho ông B1 quản lý, sử dụng nên việc ông B1 tự ý đi chuyển sang tên của ông B1 khi không được cá anh em trong gia đình đồng ý là vi phạm pháp luật. (có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Phạm Văn B1 đúng về hình thức, nội dung, nộp trong hạn luật định, đã đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ, được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án và xác định tư cách đương sự như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Phạm Văn B1:

[3.1] Về hàng thừa kế: Các bên đương sự đều thống nhất cha mẹ là cụ Phạm Văn G, sinh năm 1922 (Chết ngày 21/3/2008), cụ Lê Thị D, sinh năm 1922 (Chết ngày 27/6/2009) không để lại di chúc. Cụ G và cụ D có 09 người con chung gồm: Phạm Văn B, sinh năm 1944; Phạm Thị Nh, sinh năm 1959; Phạm Thị Th, sinh năm 1962; Phạm Thị Th1, sinh năm 1964; Phạm Thị Đ, sinh năm 1956; Phạm Thị S, sinh năm 1942; Phạm Thị Nh, sinh năm 1948; Phạm Văn B1, sinh năm 1958; Phạm Văn L, sinh năm 1941 (đã chết năm 2003 có các con gồm: Phạm Thị S, Phạm Văn H, Phạm Văn C, Phạm Văn O, Phạm Văn L và Phạm Văn K).

[3.2] Về di sản thừa kế: trong thời gian chung sống, vợ chồng cụ G, cụ D đã tạo lập được khối di sản gồm diện tích đất ruộng hơn 6000m^2 và một ngôi nhà thờ trên phần đất thổ - cây lâu năm, diện tích 1.096,4m^2, thuộc thửa số 46, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Ch cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

Phạm Văn G ngày 13/4/2004, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00173 UBND/451/QĐ-UB.

[3.3] Về chia di sản thừa kế: Sau khi cụ G, cụ D chết thì ngày 02/7/2009 các con của Dễ, cụ G có cuộc họp nội bộ gia đình và lập văn bản về việc thoả thuận chia di sản thừa kế. Văn bản này chỉ có bản phô tô không có bản gốc nhưng quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận chữ ký trong biên bản này cũng đúng là chữ ký của họ, nội dung ghi đúng ý chí nguyện vọng của các đồng thừa kế, do đó Toà án cấp sơ thẩm xác định văn bản này có giá trị pháp lý là có cơ sở, đúng pháp luật. Nội dung văn bản thể hiện việc chia di sản như sau: **Phần đất ruộng** thì mỗi người con gái được hưởng 500m^2 x 6 người = 3.000m^2; Anh thứ 5 (Ông B1) được 1.000m^2, phần còn lại để lại cho nhà thờ. Sau khi bàn bạc thì bà Đ, bà Th, bà Nh, bà Th1 mỗi người đồng ý nhận 500m^2 đất ruộng (Bà Th1 và bà Th cho luôn bà Nh được đứng tên); Ông B1 nhận 1.000m^2. Còn lại bà S và bà Nh tự nguyện gửi phần 500m^2 được hưởng cho nhà thờ. Như vậy đất ruộng còn lại 3.000m^2 chia làm 02 phần, trong đó 1.500m^2 thì chia đều cho các anh em, còn lại 1.500m^2 làm đất hương quả. **Phần đất vườn và nhà thờ:** Phần còn lại nhà và đất giao cho con trai là Phạm Văn B1, cuối biên bản có ghi phụ chú ***"Phần nhà thờ giữ nguyên hiện trạng không được sang bán".***

[3.4] Đối với phần đất ruộng 6.000m^2 các đương sự không tranh chấp nên Toà án cấp sơ thẩm không giải quyết, còn phần đất thổ - cây lâu năm 1.096,4m^2 trên đất có nhà thì theo nội dung văn bản ngày 02/7/2009 nêu trên, các đồng thừa kế thống nhất không chia mà dùng vào việc thờ cúng và giao cho ông Phạm Văn B1 quản lý, sử dụng. Do đó, việc ông Phạm Văn B1 đi kê khai đăng ký để sang tên giấy chứng nhận quuyền sử dụng đất đối với diện tích đất này khi không được tất cả các thừa kế đồng ý là không đúng pháp luật nên Toà án cấp sơ thẩm xét xử tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00034 ngày 16/01/2010 do Ủy ban nhân dân huyện Ch tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Phạm Văn B1 đứng tên đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.096,4m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ.

[3.5] Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông B1 có yêu cầu phản tố chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất đất thổ - cây lâu năm 1.096,4m^2. Xét yêu cầu này của ông B1 là có căn cứ vì như mục [3.2] và [3.3] nêu trên đã nhận định diện tích đất này là di sản thừa kế của cụ G, cụ D để lại và các đồng thừa kế thống nhất chưa chia mà dùng vào việc thờ cúng nhưng nay ông B1 không đồng ý để thờ cúng mà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, hơn nữa trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm thì những đồng thừa kế khác gồm bà Phạm Thị S, Phạm Thị Nh cũng có yêu cầu nếu nguyên đơn tranh chấp thì các bà cũng yêu cầu chia di sản thừa kế. Toà án cấp sơ thẩm cho rằng các đồng thừa kế đã có thoả thuận trong văn bản ngày 02/7/2009 để diện tích đất nêu trên dùng vào việc thờ cúng nên từ đó không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông B1 là không đúng pháp luật, bởi lẽ văn bản thoả thuận này không làm mất quyền yêu cầu chia thừa kế của các đồng thừa kế.

[3.6] Xét Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành thẩm định giá tài sản theo giá thị trường đối với diện tích đất 1.096,4m^2 cùng các tài sản trên đất và không tiến hành đo vẽ hiện trạng đất để chia di sản theo hiện vật nên Toà án cấp phúc thẩm không thể bổ sung ngay tại phiên toà được, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông B1, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án về cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông B1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn B1.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 20/5/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn B1 không phải chịu. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang hoàn trả cho ông Phạm Văn B1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0001728 ngày 31/5/2021.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Tiền Giang (1);
- VKSND tỉnh Tiền Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang (1);
- ĐS (11);
- Lưu HS (2), VP(3).21b.HDT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thịnh